ĐẢNG BỘ TỈNH LAI CHÂU
ĐẢNG ỦY XÃ TẢ LÈNG
*
Số 186 -KH/ĐU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Tả Lèng, ngày 23 tháng 10 năm 2026

KẾ HOẠCH
Tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện một số văn bản mới của Trung ương, Tỉnh ủy, Đảng ủy xã

Căn cứ Hướng dẫn số 13-HD/BTGTU ngày 23/10/2026 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy về tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết mới của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Ban Thường vụ Đảng uỷ xã xây dựng kế hoạch quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện các văn bản như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và Nhân dân về những nội dung cốt lõi, điểm mới của các chủ trương, nghị quyết, nội dung, lộ trình thực hiện của các kế hoạch; tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động, góp phần đưa các chủ trương, nghị quyết sớm đi vào cuộc sống.

- Làm cơ sở để các chi bộ, cơ quan, đơn vị xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể nhằm tổ chức triển khai thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tiễn; gắn việc học tập, quán triệt với thực hiện nhiệm vụ chính trị, các phong trào thi đua yêu nước và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn xã.

- Các cấp ủy, tổ chức đảng từ xã đến các bản tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện nội dung cốt lõi các văn bản mới của trung ương, tỉnh, xã kịp thời, nghiêm túc, thống nhất và hiệu quả; từng cấp ủy lựa chọn nội dung, cụ thể hóa và triển khai thực hiện ngay, đảm bảo gắn với chức năng, nhiệm vụ, điều kiện thực tiễn của cấp mình.

- Ứng dụng công nghệ số, đổi mới nội dung, hình thức quán triệt, học tập, tuyên truyền theo hướng trọng tâm, thiết thực, hiệu quả. Kết hợp giữa tự nghiên cứu với nghe phổ biến, đổi mới mạnh mẽ tư duy từ "học tập, quán triệt" sang "hiểu sâu - hành động đúng - làm đến cùng" trong từng bước triển khai. Giúp cán bộ, đảng viên nắm vững nội dung cốt lõi, điểm mới, yêu cầu đặt ra, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động, tạo niềm tin và sự đồng thuận xã hội.

2. Yêu cầu

Việc tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền phải được thực hiện nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả, bảo đảm đúng nội dung, đối tượng, thời gian theo hướng dẫn của cấp trên; phát huy tinh thần trách nhiệm của cấp ủy, người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

Nội dung học tập, quán triệt phải tập trung làm rõ những quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, các nội dung mới, trọng tâm của từng chủ trương, nghị quyết, kết luận; kết hợp chặt chẽ giữa học tập, quán triệt với tuyên truyền, phổ biến và xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện.

Việc tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền phải được lãnh đạo, chỉ đạo nghiêm túc theo tinh thần Kết luận số 226-KL/TW, ngày 11/12/2025 của Ban Bí thư về việc chấn chỉnh lề lối làm việc; nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị và Công văn số 1358-CV/TU, ngày 30/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chấn chỉnh lề lối, nền nếp học tập, quán triệt nghị quyết, tham dự các hội nghị. Tăng cường kiểm tra, giám sát; đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, xuyên tạc, chống phá Đảng, Nhà nước; bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

II. NỘI DUNG, HÌNH THỨC

1. Hội nghị quán triệt tại xã

1.1. Nội dung và tài liệu

Tổ chức quán triệt, tuyên truyền các nội dung theo Kế hoạch. *(Có phụ lục văn bản số 01, 02 kèm theo).*

Tài liệu quán triệt được đăng tải trên nhóm Zalo "Bí thư Chi bộ"; chủ động nghiên cứu, khai thác tài liệu thông qua đường link hoặc quét mã QR[1] để lấy tài liệu.

1.2. Hình thức, thời gian, báo cáo viên

- *Hình thức:* Tổ chức Hội nghị quán triệt trực tiếp.

- *Thời gian*: 1/2 ngày, bắt đầu từ 14h00', dự kiến **ngày 29/10/2026 (thứ 5).**

- *Báo cáo viên:* Các đồng chí Báo cáo viên của Đảng ủy xã.

1.3. Thành phần

- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ xã,

[1] **Link tài liệu:**
https://drive.google.com/drive/folders/1tEumd73eoW9BvW0VrQ2C8Z2tyPwCM8A1?usp=sharing

Mã QR tài liệu

- Trưởng, phó các cơ quan, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, Công an, Quân sự, các đơn vị sự nghiệp (Trung tâm dịch vụ tổng hợp, trường học, Trạm y tế xã), Ban Chấp hành Đảng bộ các trường học.

- Bí thư các chi bộ bản trên địa bàn xã,

- Cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức các cơ quan, ban, ngành, đoàn thế xã, đơn vị Công an xã.

- Phóng viên Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã.

2. Hội nghị quán triệt, tuyên truyền tại các chi, đảng bộ, cơ quan, đơn vị

2.1. Thành phần:

- Toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, lao động trong chi, đảng bộ, cơ quan, đơn vị.

- Đoàn viên, hội viên, các tầng lớp Nhân dân tại các bản.

2.2. Hình thức, thời gian

+ *Hình thức:* Tổ chức Hội nghị tập trung, lồng ghép trong sinh hoạt chi bộ, hợp bản, sinh hoạt đoàn thể.

+ *Thời gian:* Tổ chức hoàn thành xong trước **ngày 15/12/2026.**

- Báo cáo viên: Mời các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ xã phụ trách chi bộ, Báo cáo viên cấp xã, các đồng chí Bí thư chi bộ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, báo cáo viên, tuyên truyền viên của bản.

2.3. Công tác tuyên truyền

- Nội dung: Tuyên truyền sâu rộng các nội dung, các văn bản tại của Kế hoạch này.

- Hình thức: Tuyên truyền trực tiếp tại hội nghị của cơ quan, đơn vị, bản; các cuộc họp, sinh hoạt chuyên đề, thường kỳ của cơ quan, chi bộ, bản. Quan tâm xây dựng video, clip, infographic, slide… để tuyên truyền trên các nền tảng mạng xã hội, trang fanpage, zalo, facebook...

Biên tập nội dung ngắn gọn, dễ hiểu để phát trên hệ thống loa truyền thanh của xã, bản; duy trì hoạt động tuyên truyền miệng trong sinh hoạt của tổ chức đoàn thể, sinh hoạt khu dân cư các bản.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Xây dựng Đảng

Chủ trì và phối hợp Phòng Văn hóa - xã hội, Trung tâm Dịch vụ tổng hợp truyền tải thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin, truyền thông, các tài khoản mạng xã hội, cổng thông tin điện tử của xã. Hướng dẫn, định hướng tuyên truyền các nội dung trọng tâm của các văn bản đến các chi, đảng bộ, MTTQ và các tổ chức - chính trị xã hội để tăng cường tuyên truyền, lan tỏa, tạo hiệu ứng rộng rãi đến các tầng lớp nhân dân.

Theo dõi, đôn đốc, chỉ đạo, giám sát việc tổ chức thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền tại xã và các chi, đảng bộ, cơ quan, đơn vị.

Tổng hợp kết quả quán triệt tại Đảng bộ xã, các chi, đảng bộ trực thuộc, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã, tham mưu báo cáo kết quả cấp có thẩm quyền theo quy định.

2. Văn phòng Đảng ủy

Phối hợp với Ban Xây dựng Đảng chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất, theo dõi, đôn đốc việc tổ chức quán triệt, triển khai các nội dung theo kế hoạch bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội

MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội từ xã đến các bản lựa chọn các nội dung sát thực tiễn tổ chức tuyên truyền sâu rộng đến 100% cán bộ, đoàn viên, hội viên và Nhân dân, thường xuyên nắm tình hình, vận động các tầng lớp nhân dân để tạo sự đồng thuận, thống nhất cao về nhận thức và hành động trong việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng.

4. Các chi, đảng bộ trực thuộc

Tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền, triển khai trực tiếp và lồng ghép tới toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động, các tầng lớp Nhân dân.

Báo cáo kết quả triển khai học tập, quán triệt về Thường trực Đảng ủy *(qua Ban Xây dựng Đảng - Đ/c Tẩn A Giàng - ĐT: 0835.06.1987)* **trước ngày 15/12/2026**.

Nơi nhận:
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- TT Đảng ủy, HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các đ/c Báo cáo viên cấp xã;
- Ủy ban MTTQ, các đoàn thể xã;
- Ban Xây dựng Đảng, Văn phòng Đảng ủy xã;
- Các chi, đảng bộ trực thuộc;
- Lưu Văn phòng Đảng ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG ỦY XÃ TẢ LÈNG
ĐẢNG BỘ TỈNH LAI CHÂU

Giàng A Thanh

PHỤ LỤC 01

DANH MỤC CÁC VĂN BẢN QUÁN TRIỆT, TUYÊN TRUYỀN

(Kèm theo Kế hoạch số 186-KH/ĐU, ngày 23 /10/2026 của BTV Đảng ủy)

I. KẾ HOẠCH CỦA ĐẢNG ỦY XÃ

(1) Kế hoạch số 166-KH/ĐU, ngày 18/9/2026, của Ban Thường vụ Đảng ủy xã về thực hiện Hướng dẫn số 06-HD/TU, ngày 20/8/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về định danh và xác thực điện tử trong hệ thống thông tin của các cơ quan đảng trên địa bàn xã Tả Lèng.

(2) Kế hoạch số 167-KH/ĐU, ngày 18/9/2026, của Ban Thường vụ Đảng ủy xã về quán triệt, tuyên truyền, vận động và tổ chức thực hiện một số chủ trương của Đảng về công tác dân tộc, tôn giáo trong giai đoạn mới trên địa bàn xã.

(3) Kế hoạch số 168-KH/ĐU, ngày 18/9/2026, của Ban Thường vụ Đảng ủy xã về thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 08/6/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

(4) Kế hoạch số 169-KH/ĐU, ngày 24/9/2026, của Ban Thường vụ Đảng ủy xã về thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 22/8/2026 của Bộ Chính trị về phát huy tinh thần cống hiến, phụng sự, tinh thần đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong kỷ nguyên mới.

(5) Kế hoạch số 170-KH/ĐU, ngày 24/9/2026, của Ban Thường vụ Đảng ủy xã về thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 22/8/2026 của Bộ Chính trị về Chiến lược công tác tư tưởng trong bối cảnh mới.

(6) Kế hoạch số 171-KH/ĐU, ngày 24/9/2026, của Ban Thường vụ Đảng ủy xã về thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW, ngày 13/7/2026 của Bộ Chính trị về "Đẩy mạnh học tập, thực hành tu tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn phát triển mới".

(7) Kế hoạch số 172-KH/ĐU, ngày 24/9/2026, của Ban Thường vụ Đảng ủy xã về thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW, ngày 20/7/2026 của Ban Bí thư về tăng cường giáo dục lý luận chính trị, lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, ý thức công dân trong hệ thống giáo dục quốc dân, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong tình hình mới.

(8) Kế hoạch số 173-KH/ĐU, ngày 24/9/2026, của Ban Thường vụ Đảng ủy xã về thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 28/8/2026 của Bộ Chính trị về phát triển các vùng và tổ chức không gian phát triển quốc gia trong giai đoạn mới trên địa bàn xã Tả Lèng.

(9) Kế hoạch số 174-KH/ĐU ngày 24/9/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 02/8/2026 của Bộ Chính trị về công tác người Việt Nam ở nước ngoài.

(10) Kế hoạch số 176-KH/ĐU, ngày 24/9/2026, của Ban Thường vụ Đảng ủy xã về triển khai thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 22/8/2026 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch Việt Nam trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong kỷ nguyên mới.

(11) Kế hoạch số 182-KH/ĐU, ngày 22/10/2026, của Ban Thường vụ Đảng ủy xã về thực hiện Quy định số 19-QĐ/TW, ngày 08/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác chính trị, tư tưởng trong Đảng.

12) Kế hoạch số 185-KH/ĐU, ngày 22/10/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy, kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TU, ngày 15/9/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy, phấn đấu xây dựng tỉnh Lai Châu không ma túy vào năm 2030

13) Kế hoạch số 187-KH/ĐU, ngày 24/10/2026, của Ban Thường vụ Đảng ủy, kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 27-CTr/TU, ngày 13/10/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 71-KL/TW, ngày 17/7/2026 của Ban Bí thư về quản lý, sử dụng tín chỉ carbon phục vụ phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc gia **(TỐI MẬT).**

II. MỘT SỐ VĂN BẢN THÔNG BÁO CỦA TỈNH ỦY, CÁC BAN CHỈ ĐẠO TỈNH

(14) Thông báo số 551-TB/TU ngày 16/10/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy làm việc với Đảng ủy UBND tỉnh về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 9 tháng, nhiệm vụ trọng tâm 3 tháng cuối năm 2026 của các xã, phường.

(15) Thông báo số 05-TB/BCĐ ngày 16/10/2026 Thông báo kết luận của đồng chí Bí thư tỉnh ủy, trưởng ban chỉ đạo tại cuộc họp Ban Chỉ đạo thực hiện mục tiêu tăng trưởng và giải ngân vốn đầu tư công tỉnh Lai Châu (phiên họp thứ 5).

(16) Kế hoạch số 140-KH/TU, ngày 30/9/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Quy định số 19-QĐ/TW, ngày 08/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác chính trị, tư tưởng trong Đảng.

(17) Kế hoạch số 141-KH/TU, ngày 01/10/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 231-KL/TW, ngày 08/01/2026 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 09/10/2014 của Bộ Chính trị khóa XI về "Công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030".

(18) Kế hoạch số 145-KH/TU, ngày 06/10/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TW, ngày 19/8/2026 của Ban Bí thư về đổi mới, nâng cao chất lượng công tác xây dựng Đảng trong khu vực kinh tế tư nhân.

(19) Kế hoạch số 147-KH/TU, ngày 07/10/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh gắn với thực hiện Kết luận số 65-KL/TW, ngày 03/7/2026 của Ban Bí thư về việc tổng kết thực hiện Chỉ thị số 46-CT/TW của Bộ Chính trị **(TỐI MẬT).**

(20) Kế hoạch số 149-KH/TU, ngày 09/10/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 91-KL/TW, ngày 03/9/2026 của Ban Bí thư về tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn và sự kiện lịch sử quan trọng của đất nước giai đoạn 2026 - 2030.

(21) Chương trình hành động số 27-CTr/TU, ngày 13/10/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 71-KL/TW, ngày 17/7/2026 của Ban Bí thư về quản lý, sử dụng tín chỉ carbon phục vụ phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc gia **(TỐI MẬT).**

II. MỘT SỐ VĂN BẢN CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG, BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ; CHÍNH PHỦ; THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VÀ VĂN BẢN CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

1. VĂN BẢN CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG, BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ:

(22) Thông báo số 517/TB-VPCP, ngày 07/10/2026 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Phó Thủ tướng Thường trực Phạm Gia Túc tại Hội nghị Ban chỉ đạo công trình trọng điểm lĩnh vực Công Thương và Xây dựng (lần thứ nhất).

(23) Kết luận số 105-KL/TW, ngày 15/10/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về thu hút và trọng dụng nhân tài trong các ngành, lĩnh vực mũi nhọn, phục vụ đất nước phát triển nhanh, bền vững.

(24) Kết luận số 106-KL/TW, ngày 15/10/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tình hình phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện ngân sách nhà nước năm 2026, kế hoạch năm 2027.

(25) Kết luận số 107-KL/TW, ngày 17/10/2026 Kết luận của Bộ Chính trị về hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm trong hệ thống chính trị gắn với xây dựng đội ngũ cán bộ và quản lý biên chế.

(26) Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 15/10/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trong kỷ nguyên mới.

(27) Nghị quyết số 30-NQ/TW, ngày 15/10/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp và đổi mới căn bản, toàn diện công tác cán bộ đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

(28) Nghị quyết số 31-NQ/TW, ngày 15/10/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong kỷ nguyên mới;

(29) Chương trình hành động số 47-CTr/TW, ngày 15/10/2026 của Bộ Chính trị thực hiện các Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV.

(30) Chương trình hành động số 48-CTr/TW, ngày 15/10/2026 của Bộ Chính trị thực hiện Kết luận số 105-KL/TW của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV.

(31) Quy định số 218-QĐ/TW, ngày 22/9/2026 của Ban Bí thư về chế độ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư, lãnh đạo chủ chốt.

(32) Quy định số 220-QĐ/TW, ngày 30/9/2026 của Ban Bí thư về cơ chế tôn vinh, trọng dụng và bảo vệ cán bộ dám đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

(33) Quy định số 221-QĐ/TW, ngày 05/10/2026 của Bộ Chính trị về trách nhiệm của đảng viên đang công tác đối với tổ chức đảng và Nhân dân nơi cư trú

(34) Quy định số 223-QĐ/TW, ngày 12/10/2026 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác và Quy chế làm việc mẫu của đảng ủy hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố.

(35) Quy định số 224-QĐ/TW, ngày 14/10/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về đảng viên tham gia hoạt động đầu tư kinh doanh.

(36) Quy định số 225-QĐ/TW, ngày 14/10/2026 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát thi hành kỷ luật Đảng.

(37) Quy định số 227-QĐ/TW, ngày 19/10/2026 của Bộ Chính trị về kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị và trong toàn Đảng.

(38) Công văn số 2266-CV/BTCTW, ngày 26/9/2026 của Ban Tổ chức Trung ương về một số nội dung liên quan tổ chức các lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng và bồi dưỡng lý luận chính trị dành cho đảng viên mới.

(39) Quyết định số 492-QĐ/TW, ngày 16/10/2026 Quyết định về việc đổi tên Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương thành Đảng ủy Dân vận, Mặt trận và các đoàn thể Trung ương.

(9) Quyết định số 493-QĐ/TW, ngày 16/10/2026 của Bộ Chính trị quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Đảng ủy Dân vận, Mặt trận và các đoàn thể Trung ương.

(40) Hướng dẫn số 06-HD/BTCTW ngày 11/10/2026: Hướng dẫn một số nội dung về vị trí việc làm công chức, viên chức, bản mô tả công việc, khung năng lực và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan của Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị – xã hội.

(41) Chỉ thị số 15-CT/TW, ngày 15/10/2026 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh môi trường trong thời kỳ phát triển mới của đất nước.

(42) Chỉ thị số 14-CT/TW, ngày 22/9/2026 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người khuyết tật trong tình hình mới

2. VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ

(43 Nghị định số 381/2026/NĐ-CP, ngày 02/10/2026 Quy định phụ cấp công vụ đối với cán bộ, công chức làm việc trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị – xã hội ở xã, phường, đặc khu.

(44) Nghị định số 386/2026/NĐ-CP, ngày 12/10/2026 Quy định cơ chế phát triển hoạt động sáng tạo, khai thác dữ liệu quốc gia và dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.

(45) Nghị định số 387/2026/NĐ-CP, ngày 12/10/2026 Quy định nội dung, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035.

(46) Nghị định số 389/2026/NĐ-CP, ngày 14/10/2026 Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh xổ số.

(47) Nghị định số 390/2026/NĐ-CP, ngày 16/10/2026 Sửa đổi quy định về quản lý hoạt động kinh doanh vàng.

(48) Nghị định số 391/2026/NĐ-CP, ngày 20/10/2026 Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh đặt cược và trò chơi có thưởng.

(45) Nghị định số 392/2026/NĐ-CP, ngày 20/10/2026 Sửa đổi các nghị định liên quan đến thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực an ninh, trật tự.

(50) Nghị định số 393/2026/NĐ-CP, ngày 20/10/2026 Quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

3. MỘT SỐ QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VÀ VĂN BẢN CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

(51) Quyết định số 2016/QĐ-TTg, ngày 21/10/2026 Phê duyệt Quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075.

(52) Quyết định số 2018/QĐ-TTg, ngày 21/10/2026 Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch lâm nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(53) Nghị quyết số 303/NQ-CP ngày 30/9/2026 của Chính phủ về giao chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê cho các địa phương giai đoạn 2026-2030.

(54) Nghị định số 369/2026/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp

PHỤ LỤC 02

DANH MỤC CÁC VĂN BẢN QUÁN TRIỆT TẠI HỘI NGHỊ[2]

(Kèm theo Kế hoạch số 186 -KH/ĐU, ngày 23 /10/2026 của BTV Đảng ủy)

TT		Nội dung	Người thực hiện
1	14h00 đến 14h45’	Thông tin thời sự về chuyến thăm các nước Đan Mạch, Liên minh Châu âu, Vương quốc Bỉ của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm	Thường trực Đảng ủy
2	14h45 đến 15h15	Kế hoạch số 185-KH/ĐU, ngày 22/10/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy, kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TU, ngày 15/9/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy, phấn đấu xây dựng tỉnh Lai Châu không ma túy vào năm 2030	Lãnh đạo Công an xã
3	15h15 đến 15h50	Quy định số 221-QĐ/TW, ngày 05/10/2026 của Bộ Chính trị về trách nhiệm của đảng viên đang công tác đối với tổ chức đảng và Nhân dân nơi cư trú.	Lãnh đạo Ban Xây dựng Đảng
4		Kết luận số 107-KL/TW, ngày 17/10/2026 Kết luận của Bộ Chính trị về hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm trong hệ thống chính trị gắn với xây dựng đội ngũ cán bộ và quản lý biên chế.	
5	15h50 đến 16h00	***Giải lao***	
6	16h00 đến 16h45	-Kế hoạch số 187-KH/ĐU, ngày 24/10/2026, của Ban Thường vụ Đảng ủy, kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 27-CTr/TU, ngày 13/10/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 71-KL/TW, ngày 17/7/2026 của Ban Bí thư về quản lý, sử dụng tín chỉ carbon phục vụ phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc gia **(TỐI MẬT).**	Lãnh đạo UBND xã

[2] Căn cứ phụ lục 02, các đơn vị chủ động xây dựng nội dung quán triệt tại Hội nghị.

7		- Thông báo số 05-TB/BCĐ ngày 16/10/2026 Thông báo kết luận của đồng chí Bí thư tỉnh ủy, trưởng ban chỉ đạo tại cuộc họp Ban Chỉ đạo thực hiện mục tiêu tăng trưởng và giải ngân vốn đầu tư công tỉnh Lai Châu (phiên họp thứ 5).	
9	16h45 đến 17h00	Kết luận Hội nghị	Thường trực Đảng ủy

PHỤ LỤC 03

NỘI DUNG CỐT LÕI CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ

(Kèm theo Kế hoạch số 186-KH/ĐU, ngày 23/10/2026 của BTV Đảng ủy)

I- CHỈ THỊ SỐ 15-CT/TW, NGÀY 15/10/2026 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ BẢO ĐẢM AN NINH MÔI TRƯỜNG TRONG THỜI KỲ PHÁT TRIỂN MỚI CỦA ĐẤT NƯỚC

1. Tình hình

An ninh môi trường là trạng thái môi trường an toàn, ổn định, bền vững, trong đó các nguy cơ, rủi ro được nhận diện, dự báo, phòng ngừa, kiểm soát và ứng phó hiệu quả, không gây tổn hại đến an ninh quốc gia, an ninh con người, trật tự, an toàn xã hội và lợi ích quốc gia - dân tộc. Bảo đảm an ninh môi trường là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên, lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý thống nhất của Nhà nước.

Tuy nhiên, tư duy quản trị, thể chế còn hạn chế, phối hợp giữa các cơ quan và năng lực nhận diện, dự báo, cảnh báo, xử lý rủi ro; tình trạng ô nhiễm môi trường, suy thoái tài nguyên, biến đổi khí hậu, thiên tai cực đoan, tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường còn diễn biến phức tạp...

Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp sau:

2. Nhiệm vụ, giải pháp

2.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội về bảo đảm an ninh môi trường

Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo đảm an ninh môi trường gắn với bảo vệ môi trường; tích hợp nhiệm vụ bảo đảm an ninh môi trường vào nghị quyết, chương trình công tác hằng năm và nhiệm kỳ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ. Người đứng đầu trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm về kết quả bảo đảm an ninh môi trường; tăng cường kiểm tra, giám sát, thanh tra, kịp thời chấn chỉnh hạn chế, yếu kém, xử lý nghiêm vi phạm.

Đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và toàn xã hội; chủ động cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, định hướng dư luận, xử lý hiệu quả các vấn đề phức tạp về thông tin, truyền thông liên quan đến môi trường.

Phát huy hiệu quả vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư trong việc nhận diện, phòng ngừa,

phát hiện, giám sát và tham gia ứng phó các nguy cơ, rủi ro môi trường; xây dựng thế trận bảo đảm an ninh môi trường vững chắc từ cơ sở.

2.2. Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách; nâng cao hiệu lực quản trị rủi ro và thi hành pháp luật về bảo đảm an ninh môi trường

Rà soát, hoàn thiện đồng bộ pháp luật, cơ chế, chính sách, thể chế hóa đầy đủ chủ trương của Đảng về bảo đảm an ninh môi trường; xây dựng cơ chế chỉ đạo, điều phối liên ngành về an ninh môi trường, phân định rõ trách nhiệm, thẩm quyền của các cấp, các ngành và người đứng đầu trong nhận diện, phòng ngừa, kiểm soát, ứng phó và xử lý nguy cơ, rủi ro an ninh môi trường.

Tích hợp yêu cầu nhận diện, đánh giá và quản trị nguy cơ, rủi ro an ninh môi trường; xác lập trách nhiệm và bảo đảm nguyên tắc chủ thể tạo ra rủi ro phải chịu trách nhiệm tương xứng với mức độ rủi ro, hậu quả gây ra; tăng cường giám sát trong toàn bộ quá trình triển khai thực hiện và kịp thời điều chỉnh khi rủi ro phát sinh, gia tăng.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả thanh tra, kiểm tra, giám sát và thi hành pháp luật; hoàn thiện và sử dụng hiệu quả các công cụ kinh tế, tài chính, kỹ thuật, khoa học, công nghệ, chuyển đổi số để phòng ngừa, kiểm soát rủi ro, điều chỉnh hành vi, huy động nguồn lực xã hội cho bảo đảm an ninh môi trường.

2.3. Chủ động phòng ngừa, kiểm soát, khắc phục các nguy cơ, rủi ro môi trường tác động đến an ninh, trật tự

Kiểm soát chặt chẽ các dự án, cơ sở, nguồn thải có nguy cơ gây ô nhiễm, sự cố môi trường nghiêm trọng, ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng, sinh kế của Nhân dân; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm vi phạm, bảo đảm thực hiện đầy đủ trách nhiệm khắc phục hậu quả, phục hồi môi trường và bồi thường thiệt hại theo quy định.

Xây dựng bộ tiêu chí phân loại, cảnh báo rủi ro an ninh môi trường; hình thành cơ chế quản trị, phối hợp thống nhất, liên ngành, liên vùng để xử lý kịp thời các nguy cơ, rủi ro phát sinh. Xây dựng kịch bản ứng phó các rủi ro, sự cố môi trường theo từng cấp độ; thường xuyên diễn tập các phương án, tình huống có cấp độ nghiêm trọng, phức tạp, chủ động ứng phó từ sớm, từ xa, không để sự cố môi trường lan rộng, kéo dài, trở thành khủng hoảng.

Xử lý dứt điểm các khu vực ô nhiễm nghiêm trọng, kéo dài và các vấn đề môi trường ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống Nhân dân; chủ động giải quyết từ sớm các nguy cơ phát sinh bức xúc, tranh chấp, khiếu kiện, không để hình thành điểm nóng, vấn đề phức tạp về an ninh, trật tự; ngăn chặn các hoạt động lợi dụng

vấn đề môi trường để gây mất ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội, xâm phạm an ninh quốc gia.

2.4. Quản trị rủi ro an ninh môi trường liên quan đến tài nguyên, năng lượng, đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu và các thách thức mới nổi, xuyên biên giới

Chủ động nhận diện, đánh giá, dự báo, cảnh báo và quản trị các nguy cơ, rủi ro an ninh môi trường; triển khai các chương trình, dự án, các tác động môi trường từ bên ngoài lãnh thổ đến Việt Nam, trên tất cả các không gian phát triển; tập trung vào các nguy cơ tác động đến an ninh nguồn nước, an ninh năng lượng, an ninh sinh học, an ninh hạt nhân, nguồn lực chiến lược, các công trình, hệ thống trọng yếu, sức chống chịu và năng lực tự chủ quốc gia.

Đánh giá, phòng ngừa, ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai cực đoan đối với các đô thị lớn, địa bàn dễ bị tổn thương, cơ sở hạ tầng, công trình và hệ thống trọng yếu; nâng cao khả năng thích ứng, chống chịu và phục hồi, bảo đảm duy trì các chức năng thiết yếu, hạn chế gián đoạn, giảm thiểu thiệt hại trước các rủi ro môi trường gia tăng.

Chủ động quản trị các rủi ro môi trường phát sinh từ hóa chất, điện hạt nhân, năng lượng mới, vật liệu, công nghệ mới, hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ và mô hình phát triển mới.

2.5. Tạo đột phá về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và dữ liệu phục vụ quản trị an ninh môi trường

Đổi mới phương thức quản trị an ninh môi trường dựa trên khoa học, công nghệ, dữ liệu và phân tích rủi ro; ưu tiên nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng, làm chủ các công nghệ phục vụ nhận diện, giám sát, phân tích, dự báo, cảnh báo sớm và xử lý hiệu quả, kịp thời các nguy cơ, rủi ro an ninh môi trường.

Phát triển hệ thống giám sát, phân tích, dự báo, cảnh báo sớm và bản đồ rủi ro an ninh môi trường trên nền tảng số. Hoàn thiện, tích hợp, liên thông và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu môi trường với các cơ sở dữ liệu có liên quan.

Tăng cường liên kết giữa Nhà nước, cơ sở nghiên cứu, đào tạo và doanh nghiệp; huy động nguồn lực phát triển, làm chủ và ứng dụng công nghệ, sản phẩm, giải pháp phục vụ bảo đảm an ninh môi trường.

2.6. Nâng cao năng lực phát hiện, đấu tranh, xử lý hành vi xâm hại an ninh môi trường

Nâng cao chất lượng công tác nắm tình hình, điều tra cơ bản, phân tích, dự báo chiến lược; nhận diện từ sớm các hoạt động, hành vi, yếu tố có khả năng tác

động, xâm hại an ninh môi trường, an ninh quốc gia, an ninh con người và lợi ích quốc gia - dân tộc.

Tập trung đấu tranh, xử lý nghiêm tội phạm, vi phạm pháp luật về môi trường, tài nguyên, đa dạng sinh học, nhất là các hành vi có tổ chức, liên tỉnh, liên tuyến, xuyên quốc gia; kiên quyết xử lý hành vi tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm, bao che, tiếp tay cho vi phạm.

Phát huy sức mạnh tổng hợp của các bộ, ngành, cơ quan Trung ương, địa phương và lực lượng vũ trang nhân dân; kiện toàn, hiện đại hóa lực lượng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường và Công an cơ sở đủ năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo đảm an ninh môi trường trong tình hình mới.

2.7. Tăng cường hội nhập, hợp tác quốc tế, bảo vệ lợi ích và nâng cao vị thế quốc gia trong quản trị an ninh môi trường

Tích cực tham gia, đóng góp xây dựng các cơ chế hợp tác quốc tế, khu vực về môi trường và an ninh môi trường. Tăng cường hợp tác, trao đổi thông tin, dự báo, cảnh báo và phối hợp xử lý các nguy cơ môi trường xuyên biên giới. Đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, huy động nguồn lực quốc tế; chủ động đề xuất sáng kiến, nâng cao vai trò, uy tín, vị thế của Việt Nam trong quản trị môi trường và an ninh môi trường khu vực và toàn cầu.

Chủ động nghiên cứu, cập nhật, đánh giá tác động của các chính sách, tiêu chuẩn môi trường quốc tế, xu hướng chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng và các cơ chế thương mại mới đối với an ninh kinh tế, chuỗi cung ứng, nguồn lực chiến lược, năng lực cạnh tranh và tự chủ của đất nước; kịp thời có giải pháp thích ứng để bảo vệ, phát huy quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam.

Phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn hoạt động lợi dụng vấn đề môi trường, biến đổi khí hậu, tiêu chuẩn xanh và các cam kết quốc tế để gây sức ép, tác động chính sách, can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam; sử dụng hiệu quả các công cụ chính trị, ngoại giao, pháp lý quốc tế để bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc.

3. Gợi ý liên hệ, vận dụng với chi bộ, đảng viên

3.1. Đối với chi bộ: Tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng nội dung Chỉ thị số 15-CT/TW, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về bảo đảm an ninh môi trường; đưa nhiệm vụ bảo vệ môi trường vào nghị quyết, chương trình công tác phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, cơ quan, đơn vị. Tăng cường kiểm tra, giám sát; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường; phát huy vai trò

giám sát của Nhân dân, chủ động phòng ngừa các nguy cơ gây mất an ninh, trật tự từ cơ sở.

***3.2. Đối với đảng viên*:** Nêu cao tinh thần tiền phong, gương mẫu trong chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường; thực hiện nếp sống xanh, tiết kiệm tài nguyên, phân loại và xử lý rác thải đúng quy định, bảo vệ nguồn nước, rừng và cảnh quan sinh thái. Tích cực tuyên truyền, vận động gia đình và Nhân dân nâng cao ý thức bảo vệ môi trường; chủ động phát hiện, phản ánh các hành vi gây ô nhiễm, suy thoái môi trường; tham gia phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường, không để các vấn đề môi trường phát sinh thành điểm nóng về an ninh, trật tự.

II- CHỈ THỊ SỐ 14-CT/TW, NGÀY 22/9/2026 CỦA BAN BÍ THƯ VỀ TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC NGƯỜI KHUYẾT TẬT TRONG TÌNH HÌNH MỚI

1. Tình hình

Sau 6 năm thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW, ngày 01/11/2019 của Ban Bí thư khóa XII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người khuyết tật, nhận thức của hệ thống chính trị và toàn xã hội có sự chuyển biến rõ rệt; đã xác định được công tác người khuyết tật là trách nhiệm chính trị gắn liền với các mục tiêu bảo đảm an sinh xã hội và quyền con người; khuôn khổ pháp luật, cơ chế, chính sách về người khuyết tật ngày càng được hoàn thiện, tạo điều kiện thuận lợi và động lực mạnh mẽ để người khuyết tật tự tin vươn lên, chủ động hòa nhập cộng đồng.

Tuy nhiên, rào cản trong tiếp cận một số công trình hạ tầng và giao thông; hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập còn thiếu; việc làm, sinh kế, mô hình hỗ trợ còn hạn chế; ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số còn chậm; thủ tục hành chính chưa bảo đảm để người khuyết tật tiếp cận.

Trước tình hình đó, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung quán triệt, thực hiện quyết liệt, đồng bộ và hiệu quả các nội dung sau:

2. Quan điểm chỉ đạo

2.1. Công tác người khuyết tật là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, gắn với bảo đảm an sinh xã hội, phát triển con người và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội. Cần tiếp tục quán triệt sâu sắc việc chuyển đổi mạnh mẽ trong nhận thức, tư duy, chính sách đối với người khuyết tật; lấy sự tham gia, khả năng hòa nhập và chất lượng sống của người khuyết tật làm thước đo hiệu quả chính sách.

2.2. Chăm lo, bảo đảm quyền và tạo cơ hội phát triển cho người khuyết tật với tinh thần "không để ai bị bỏ lại phía sau"; người khuyết tật không chỉ là đối tượng được chăm lo, hỗ trợ, thụ hưởng chính sách mà còn có quyền, có năng lực, có khát vọng, có tiềm năng cần được tạo điều kiện để tham gia đóng góp cho đất nước.

2.3. Tạo điều kiện để mỗi người khuyết tật, trong bất kỳ hoàn cảnh nào đều được tôn trọng, bảo vệ, hỗ trợ và thụ hưởng đầy đủ các quyền theo quy định, có cơ hội phát triển, không để người khuyết tật đứng ngoài hoặc bị hạn chế cơ hội tham gia vào tiến trình phát triển của đất nước.

3. Mục tiêu và tầm nhìn

3.1. Mục tiêu đến năm 2030

- Bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của người khuyết tật; ưu tiên chăm lo cho những người khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn hoặc không có khả năng tự bảo đảm cuộc sống; mở rộng tối đa cơ hội học tập, lao động, khởi nghiệp, sáng tạo, sản xuất, kinh doanh và tham gia các hoạt động xã hội; bảo đảm sự tham gia phù hợp của người khuyết tật vào các cơ quan dân cử.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả chính sách an sinh xã hội đối với người khuyết tật theo hướng tôn trọng quyền của người khuyết tật, mức sống tối thiểu, hỗ trợ bảo hiểm y tế, hỗ trợ người khuyết tật phát triển năng lực, tự chủ và hòa nhập xã hội.

- Trẻ em từ sơ sinh đến 6 tuổi được sàng lọc, phát hiện sớm khuyết tật bẩm sinh, rối loạn phát triển và được can thiệp sớm phù hợp với từng dạng khuyết tật. Trẻ em khuyết tật trong độ tuổi mầm non và phổ thông được tạo mọi cơ hội tiếp cận giáo dục phù hợp, hoà nhập và phát triển toàn diện. Người khuyết tật có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề, tiếp cận việc làm, vay vốn tạo sinh kế, khởi nghiệp hoặc phát triển sản xuất, kinh doanh.

- Các công trình xây dựng mới, công trình công cộng được cải tạo, nâng cấp phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện tiếp cận và sử dụng đối với người khuyết tật. Người khuyết tật được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ công, dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông; được cung cấp dịch vụ trợ giúp pháp lý miễn phí.

- Các tỉnh, thành phố phát triển các thiết chế, câu lạc bộ và phong trào thể dục, thể thao dành cho người khuyết tật; tạo điều kiện thuận lợi để người khuyết tật tham gia tập luyện thể dục, thể thao; tạo cơ hội để người khuyết tật tiếp cận, tham gia, thụ hưởng các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, vui chơi, giải trí và các hoạt động xã hội.

3.2. Tầm nhìn đến năm 2045

Phát triển hệ thống an sinh xã hội bao trùm, bình đẳng, hoà nhập đối với người khuyết tật; nâng cao chất lượng cuộc sống, tạo điều kiện để người khuyết tật phát triển toàn diện, sống độc lập và được thụ hưởng đầy đủ các thành quả phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; hỗ trợ người khuyết tật trở thành nguồn nhân lực chất lượng, đóng góp tích cực vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội, thịnh vượng của đất nước trong kỷ nguyên mới.

4. Nhiệm vụ và giải pháp

4.1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, tổ chức và Nhân dân về công tác người khuyết tật. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục để xóa bỏ định kiến, kỳ thị, phân biệt đối xử; xây dựng môi trường xã hội tôn trọng, bình đẳng, nhân ái, sẻ chia; tạo điều kiện để người khuyết tật tự tin, tự chủ, hoà nhập và tham gia, đóng góp cho cộng đồng và xã hội.

4.2. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về người khuyết tật. Nâng cao chất lượng, hiệu quả chính sách an sinh xã hội, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, phục hồi chức năng, hoà nhập, đào tạo nghề, việc làm, sinh kế, vay vốn, trợ giúp pháp lý; nâng cao khả năng tiếp cận hạ tầng, công trình công cộng, nhà ở, giao thông, thông tin, truyền thông và các dịch vụ thiết yếu; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số để hỗ trợ người khuyết tật phát huy năng lực, nâng cao tính tự chủ và chất lượng cuộc sống.

4.3. Tăng cường phòng ngừa khuyết tật, phát hiện sớm, chẩn đoán, can thiệp sớm và phục hồi chức năng. Khuyến khích, hỗ trợ người dân chủ động tiếp cận dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, khám sàng lọc trước sinh, sơ sinh; khám sàng lọc một số loại bệnh tật phổ biến, nguy cơ khuyết tật phù hợp với từng lứa tuổi, nhóm đối tượng, nhất là trẻ em sơ sinh đến 6 tuổi.

4.4. Tăng cường khả năng tiếp cận của người khuyết tật. Ưu tiên nguồn lực cải tạo, nâng cấp các công trình công cộng, giao thông và hạ tầng thiết yếu; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số; phát triển các phong trào thể dục, thể thao, văn hóa, nghệ thuật, vui chơi, giải trí cho người khuyết tật.

4.5. Thực hiện đồng bộ các giải pháp hiệu quả nhằm phát hiện sớm trẻ em có dấu hiệu bất thường, được đến trường, được học tập, được tham gia học tập, giáo dục và phổ cập giáo dục. Phát triển hệ thống các trung tâm hỗ trợ giáo dục hoà nhập và các cơ sở giáo dục chuyên biệt theo quy hoạch; xây dựng trường học, cơ sở chăm sóc ban ngày; chương trình giáo dục, can thiệp phù hợp đối với trẻ tự kỷ và trẻ có nhu cầu hỗ trợ đặc biệt.

4.6. Chỉ đạo các cơ quan bảo vệ pháp luật, chính quyền các cấp và lực lượng chức năng chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm minh các hành vi bạo lực, xâm hại, ngược đãi, bỏ rơi, phân biệt đối xử hoặc lợi dụng người khuyết tật để trục lợi.

5. Gợi ý liên hệ, vận dụng với chi bộ, đảng viên

5.1. Đối với chi bộ: Tổ chức quán triệt, tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về người khuyết tật; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong thực hiện công tác người khuyết tật. Đưa nội dung chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người khuyết tật vào sinh hoạt chi bộ phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, cơ quan, đơn vị.

5.2. Đối với mỗi cán bộ, đảng viên: Nêu cao tinh thần trách nhiệm, tính tiên phong, gương mẫu trong tuyên truyền, vận động gia đình và Nhân dân tôn trọng, chia sẻ, hỗ trợ người khuyết tật; tích cực tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện, an sinh xã hội. Không có hành vi kỳ thị, phân biệt đối xử, xâm hại hoặc lợi dụng người khuyết tật để trục lợi; chủ động phát hiện, phản ánh những bất cập trong thực hiện chính sách và đề xuất giải pháp hỗ trợ phù hợp.